

D. Các cơ quan chức năng thuộc Bộ:

1. Vụ kế hoạch — thống kê,
2. Vụ kế toán — tài vụ,
3. Vụ lao động và tiền lương,
4. Vụ quản lý thu mua,
5. Vụ quản lý phân phối,
6. Vụ bảo quản, vận tải,
7. Vụ xây dựng cơ bản,
8. Vụ kỹ thuật,
9. Vụ tổ chức, cán bộ và đào tạo,
10. Vụ chính sách và pháp chế,
11. Ban thanh tra,
12. Văn phòng Bộ.

Điều 5. — Bộ trưởng Bộ Lương thực quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ, đồng thời nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ quyết định về tổ chức của các cơ quan lương thực ở địa phương.

Điều 6. — Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế nghị định số 149-CP ngày 19-8-1969 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Lương thực và thực phẩm.

Điều 7. — Các đồng chí bộ trưởng Phủ thủ tướng, bộ trưởng Bộ Lương thực, thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 1981

T.M. Hội đồng Chính phủ
Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Chính phủ số 169-CP ngày 23-4-1981 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Mỏ và than.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14-7-1960

Căn cứ nghị quyết ngày 22-1-1981 của Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn việc thành lập Bộ Mỏ và than;

Xét đề nghị của bộ trưởng Bộ Mỏ và than,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Bộ Mỏ và than là cơ quan của Hội đồng Chính phủ có chức năng quản lý hành chính Nhà nước về kinh tế — kỹ thuật ngành công nghiệp khai thác mỏ và trực tiếp quản lý ngành than theo đường lối phát triển kinh tế của Đảng, theo chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Điều 2. — Bộ Mỏ và than có nhiệm vụ và quyền hạn:

A. Quản lý hành chính Nhà nước về mỏ:

1. Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo quyền hạn được giao các chính sách, chế độ quản lý về kinh tế — kỹ thuật ngành công nghiệp khai thác mỏ, các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế — kỹ thuật khai thác mỏ.

2. Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ, các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và định mức kinh tế — kỹ thuật về công nghiệp khai thác mỏ trong các ngành, các địa phương.

B. Quản lý ngành than:

1. Trình Chính phủ xét duyệt các dự đoán, quy hoạch phát triển ngành than.

2. Trình Chính phủ xét duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm của ngành than (kể cả than địa phương); tổ chức và chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch ấy.

3. Quản lý thống nhất việc khai thác và sử dụng các nguồn than trong cả nước theo quy chế chung của Nhà nước; cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chuẩn bị đề trình Chính phủ xét duyệt kế hoạch cung ứng than.

4. Quản lý thống nhất việc lập kế hoạch nhập khẩu và phân phối các thiết bị, vật tư, phụ tùng và phụ kiện chuyên dùng của ngành than và một số loại vật liệu nỏ dùng cho các ngành kinh tế trong nước.

5. Tổ chức và thực hiện công tác thăm dò, khảo sát, thiết kế, tự thi công hoặc giao thầu thiết kế, khảo sát, thi công cho các ngành khác đối với các công trình của Bộ theo sự phân công của Chính phủ.

6. Thiết kế và chế tạo thiết bị, phụ tùng chuyên dùng của ngành than theo sự phân công của Nhà nước.

7. Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo quyền hạn được giao các chính sách, chế độ quản lý, các tiêu chuẩn, định mức kinh tế — kỹ thuật, các quy trình, quy phạm kỹ thuật của ngành than; hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc và các địa phương thực hiện các chính sách, chế độ và quy định ấy trong phạm vi cả nước.

8. Trình Chính phủ xét duyệt các chương trình, kế hoạch phát triển khoa học — kỹ thuật trong ngành than; tổ chức và chỉ đạo việc nghiên cứu khoa học — kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong ngành.

9. Trình Chính phủ xét duyệt các kế hoạch hợp tác kinh tế, hợp tác khoa học — kỹ thuật với nước ngoài; tổ chức thực hiện các kế hoạch ấy theo quy định của Nhà nước về quan hệ với nước ngoài.

10. Tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ, công nhân kỹ thuật ngành than nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành.

Điều 3. — Bộ trưởng Bộ Mỏ và than chịu trách nhiệm trước Quốc hội và Hội đồng Chính phủ lãnh đạo toàn bộ các mặt hoạt động của Bộ.

Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo đúng Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ ban hành kèm theo nghị định số 172-CP ngày 1-11-1973 của Hội đồng Chính phủ và nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 của Hội đồng Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước.

Các thứ trưởng giúp bộ trưởng lãnh đạo hoạt động của Bộ và được bộ trưởng ủy nhiệm chỉ đạo một số mặt công tác cụ thể.

Trong các thứ trưởng có một thứ trưởng thường trực. Ngoài lĩnh vực công tác được phân công, thứ trưởng thường trực giúp bộ trưởng điều hành công việc thuộc quyền hạn của bộ trưởng khi bộ trưởng vắng mặt.

Điều 4. — Cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Mỏ và than như sau :

A. Các tổ chức sản xuất, kinh doanh :

1. Công ty than Hòn Gai,
2. Công ty than Uông Bí,
3. Công ty xây lắp Cẩm Phả,
4. Tổng công ty cung ứng than,
5. Công ty vật tư,

và các công ty, xí nghiệp... thuộc quyền bộ trưởng ra quyết định thành lập.

B. Các tổ chức nghiên cứu khoa học — kỹ thuật, thiết kế và sự nghiệp :

1. Viện nghiên cứu khoa học — kỹ thuật mỏ,
2. Viện quy hoạch và thiết kế than,
3. Viện khảo sát và địa chất,
4. Viện nghiên cứu — thiết kế, chế tạo máy mỏ (gọi tắt là viện máy mỏ),
5. Viện kinh tế mỏ,

và các cơ quan sự nghiệp cần thiết khác thuộc quyền bộ trưởng ra quyết định thành lập.

C. Các cơ quan chức năng của Bộ :

1. Vụ kế hoạch,
2. Vụ tài vụ -- kế toán,

3. Vụ lao động và tiền lương,
4. Vụ kỹ thuật mỏ,
5. Vụ mỏ và than địa phương,
6. Vụ địa chất trắc địa,
7. Vụ cơ điện,
8. Vụ xây dựng cơ bản,
9. Vụ vật tư,
10. Vụ đào tạo,
11. Vụ tổ chức và cán bộ,
12. Ban thanh tra,
13. Văn phòng Bộ.

Điều 5. — Bộ trưởng Bộ Mỏ và than có trách nhiệm quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của các đơn vị trực thuộc theo nguyên tắc tổ chức gọn nhẹ, biên chế hợp lý, hoạt động có hiệu quả.

Điều 6. — Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Nghị định này thay thế cho nghị định số 146-CP ngày 19-8-1969 của Hội đồng Chính phủ quy định chức năng và tổ chức bộ máy của Bộ Điện và than.

Điều 7. — Các đồng chí bộ trưởng Phủ thủ tướng, bộ trưởng Bộ Mỏ và than, thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 1981

T.M. Hội đồng Chính phủ
Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Chính phủ số 170-CP ngày 23-4-1981 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Điện lực.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14-7-1960 ;

Căn cứ nghị quyết ngày 22-1-1981 của Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn việc thành lập Bộ Điện lực ;

Xét đề nghị của bộ trưởng Bộ Điện lực,